*(Mẫu đơn hiện tại)*

**PHỤ LỤC 1**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

*(Ban hành Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

**Kính gửi:** (tên Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: ……………………………………………………………………

- Địa chỉ: ………………………………………….. Điện thoại: ..........................................

Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:** | | | | | |
| Thông số kỹ thuật | | | Đầu kéo hoặc xe thân liền | | Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc RM/SMRM |
| Nhãn hiệu | | |  | |  |
| Biển số | | |  | |  |
| Số trục | | |  | |  |
| Khối lượng bản thân (tấn) | | |  | |  |
| Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn) | | |  | |  |
| Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn) | | |  | |  |
| Khối lượng cho phép kéo theo (tấn) | | |  | |  |
| Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m) | | |  | | |
| **2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:** | | | | | |
| Loại hàng: | | | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Tổng khối lượng (tấn): | | | | |
| **3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Hàng vượt phía trước thùng xe: m | | | | |
| Hàng vượt hai bên thùng xe: m | Hàng vượt phía sau thùng xe: m | | | | |
| Tổng khối lượng:        tấn  (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng) | | | | | |
| **4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | | |
| Trục đơn:         tấn | | | | | |
| Cụm trục kép:       tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =….m | | | | | |
| Cụm trục ba:        tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =…m | | | | | |
|  |  |  | |  | |

**5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:**

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km …….): .............................................................................................................

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ………………đến.....................................................

**6. Cam kết của chủ phương tiện:** về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thờiđiểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

|  |  |
| --- | --- |
| *(Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)* | *…..., ngày…. tháng… năm….* Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị ký tên, đóng dấu |

*(Mẫu hóa đơn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

- Tên Cá nhân, tổ chức đề nghị: *Công ty TNHH ABC*

- Địa chỉ: Đông Lĩnh Đông Sơn, Thanh Hóa. Điện thoại: 0912.xxx.xxx

Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:** | | | | | | |
| Thông số kỹ thuật | Đầu kéo hoặc xe thân liền | | | | | Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc RM/SMRM |
| Nhãn hiệu | *Là tên nhãn hiệu ghi trong Đăng ký, Giấy chứng nhận kiểm định* | | | | | *Là tên nhãn hiệu ghi trong Đăng ký, Giấy chứng nhận kiểm định* |
| Biển số | *Theo Đăng ký, Giấy chứng nhận kiểm định* | | | | | *Theo Đăng ký, Giấy chứng nhận kiểm định* |
| Số trục | *Là số lượng trục ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định* | | | | | *Là số lượng trục ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định* |
| Khối lượng bản thân (tấn) | *Là khối lượng bản thân ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định* | | | | | *Là khối lượng bản thân ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định* |
| Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn) | *Là khối lượng hàng hóa chuyên chở CP TGGT* *ghi trong* *Giấy chứng nhận kiểm định* | | | | | *Là khối lượng hàng hóa chuyên chở CP TGGT* *ghi trong* *Giấy chứng nhận kiểm định* |
| Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn) | *Là khối lượng toàn bộ CP TGGT ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định* | | | | | *Là khối lượng toàn bộ CP TGGT ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định* |
| Khối lượng cho phép kéo theo (tấn) | *Là khối lượng cho phép kéo theo CP TGGT ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định* | | | | |  |
| Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m) | *Là kích thước đo thực tế (dài x rộng x cao)m của tổ hợp sau khi lắp Đầu kéo vào Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền* | | | | | |
| **2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:** | | | | | | |
| Loại hàng: *Tên loại hàng hóa chở trên tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền* | | | | | | |
| Kích thước (dài x rộng x cao) m *(Là kích thước của loại hàng hóa chở trên tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền):* | | | Tổng khối lượng: (tấn) *(Là tổng khối lượng của loại hàng hóa chở trên tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền):* | | | |
| **3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | | | |
| Kích thước (dài x rộng x cao) m *(Là kích thước thực tế của tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền sau khi xếp hàng hóa lên xe):* | | | Hàng vượt phía trước thùng xe: m *(Là kích thước của hàng hóa vượt phía trước thùng xe sau khi xếp hàng hóa lên xe)* | | | |
| Hàng vượt hai bên thùng xe: m *(Là kích thước của hàng hóa vượt hai bên thùng xe sau khi xếp hàng hóa lên xe)* | | | Hàng vượt phía sau thùng xe: m *(Là kích thước của hàng hóa vượt phía sau thùng xe sau khi xếp hàng hóa lên xe)* | | | |
| Tổng khối lượng:        tấn  (gồm: khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng hóa chở trên xe) | | | | | | |
| **4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | | | |
| Trục đơn:   ≤ 10 tấn | | | | | | |
| Cụm trục kép:       tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =….m *(Là kích thước khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề cụm trục kép của tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền)* | | | | | | |
| Cụm trục ba:        tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =…m *(Là kích thước khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề cụm trục ba của tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền)* | | | | | | |
|  | |  | |  |  | |

**5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển: *(Ví dụ)***

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng đi): *đi vào QL.1* *tại Km100 - Km500, sau đó đi vào QL.10 tại Km200 - Km300,*  *sau đó đi vào đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đi vào đường cao tốc Cao Bồ -Mai Sơn, sau đó đi vào tuyến tránh TP Ninh Bình (đoạn nối đường cao tốc Cao Bồ -Mai Sơn với QL.1), đi vào QL.1 tại Km… (TP Tam Điệp, Ninh Bình) - Km1.850 (Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh).*

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/01/2022

**6. Cam kết của chủ phương tiện:** *Tên Công ty đối với tổ chức) hoặc (Tên chủ xe đối với cá nân)* cam kết xe *Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền* Biển sô ... tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành là sở hữu của *Công ty đối với tổ chức) hoặc (Chủ xe đối với cá nân)* và các thông tin, kích thước, khối lượng của (*tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền và loại hàng hóa đề nghị chuyên chở*) là chính xác. Nếu sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định hiện hành của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| *(Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước:* (D x R x C) m *(là kích thước bao thực tế của tổ hợp xe Đầu kéo - Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc hoặc xe thân liền sau khi xếp hàng hóa lên xe) và khoảng cách giữa các trục xe* | *Thanh Hóa, ngày 01. Tháng 01 năm2022* GIÁM ĐỐC  ký tên, đóng dấu  Nguyễn Văn A |